

Chi tiết quá hạn

[illegible]

①Chi tiết quá hạn ②Địa chỉ (vị trí) ③Tên (chức vụ) ④Hạng
mức thuế ⑤Số tiền thuế ⑥Năm thuế
⑦Thời gian (tháng) ⑧Số thông báo ⑨Số tiền chưa trả (yên)
⑩Phí yêu cầu (yên) ⑪Phí quá hạn (yên) ⑫Tổng số tiền (yên)
⑬(Số tiền theo luật)
⑭Ngày đến hạn thanh toán ⑮Ngày thông báo nhu cầu
⑯Ngày đến hạn thanh toán theo luật định, v.v.
⑰Hạn chót thanh toán nâng cao ⑱ Thông tin thuế

[illegible]

① Tổng ② Ngày tính toán phí quá hạn

税目は以下の略称です。

普徴：市県民税(普徴)・森林環境税 特徴：市県民税(特徴)・森林環境税、退職：退職所得分離分、法人：法人市民税、固定：固定資産税・都市計画税、償却：固定資産税(償却資産)、軽自：軽自動車税(種別割) 事業：事業所得税、市た：市たばこ税、入湯：入湯税

Sau đây là chữ viết tắt cho các hàng mục thuế:

普徵: Thuế thành phố/quận (thu thuế thông thường), thuế bảo vệ môi trường rừng, **特徴:** Thuế thành phố/quận (Bộ sưu tập đặc biệt), thuế bảo vệ môi trường rừng, **退職:** Thu nhập nghỉ hưu riêng biệt, **法人:** Thuế thành phố của công ty, **固定:** Thuế tài sản/thuế đô thị cố định, **償却:** Thuế tài sản cố định (tài sản khấu hao), **軽自:** Thuế xe hạng nhẹ (thuế theo chủng), **事業:** Thuế văn phòng kinh doanh, **市た:** Thuế thuốc lá thành phố, **入湯:** Thuế tắm rửa